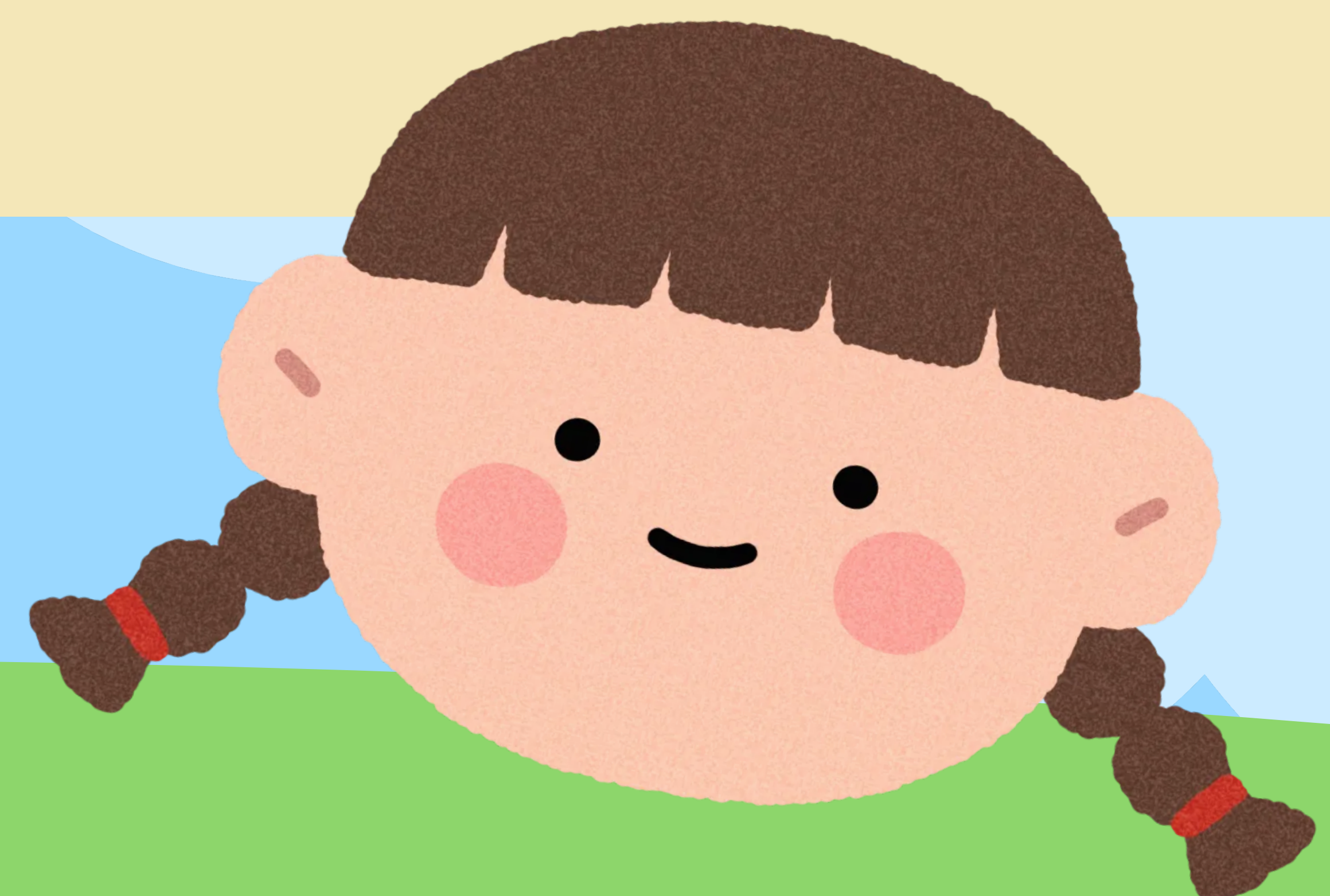
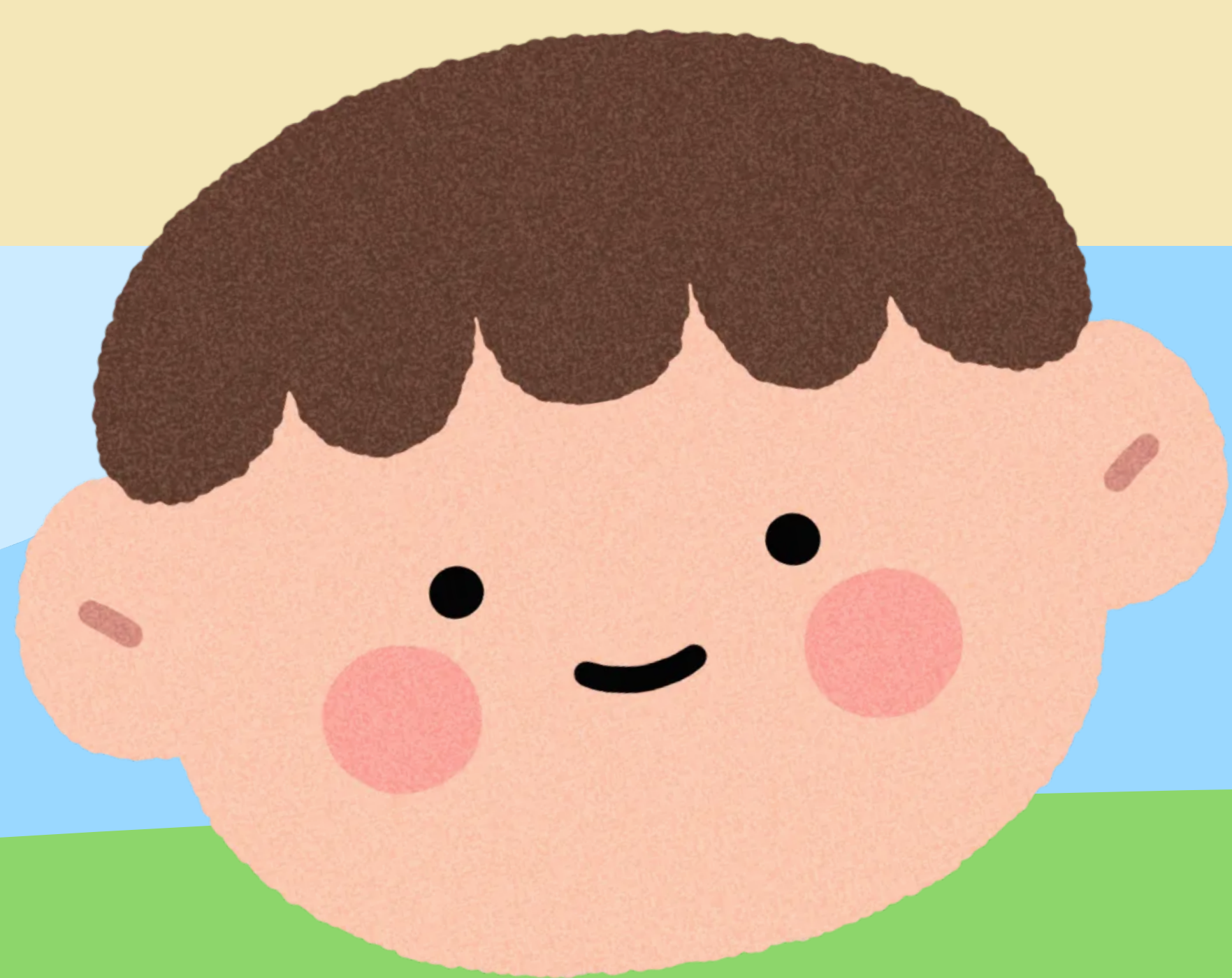


25~36 tháng tuổi

Danh sách kiểm tra mức độ phát triển ngôn ngữ(3 tuổi)

- ☒ Khi người khác nói thì biết nhìn vào mắt.
- ☒ Khi được gọi tên thì trả lời “Dạ/Vâng”.
- ☒ Biết lắc đầu để thể hiện không thích.
- ☒ Khi nghe “Không được” thì dừng lại.
- ☒ Có thể chỉ ra các bộ phận như “mắt”, “đầu”, “tay”.
- ☒ Biết bắt chước tiếng động vật như “gâu gâu”, “ủn ỉn”, “bò ò”.
- ☒ Biết hỏi “Cái gì vậy?” khi tò mò.
- ☒ Nghe và làm theo các yêu cầu như “ngồi xuống”, “ăn đi”, “mặc vào”, “mở ra”.

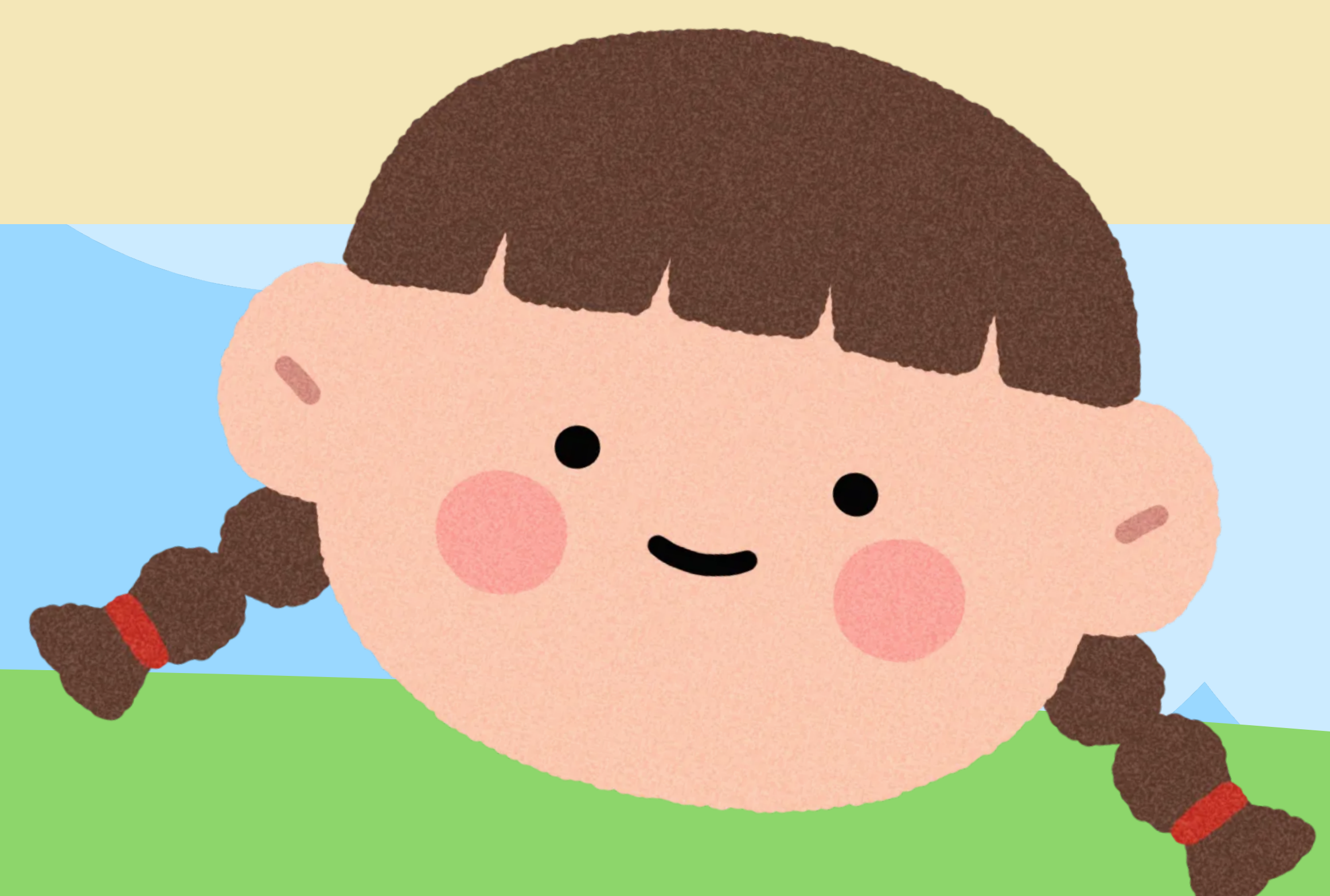
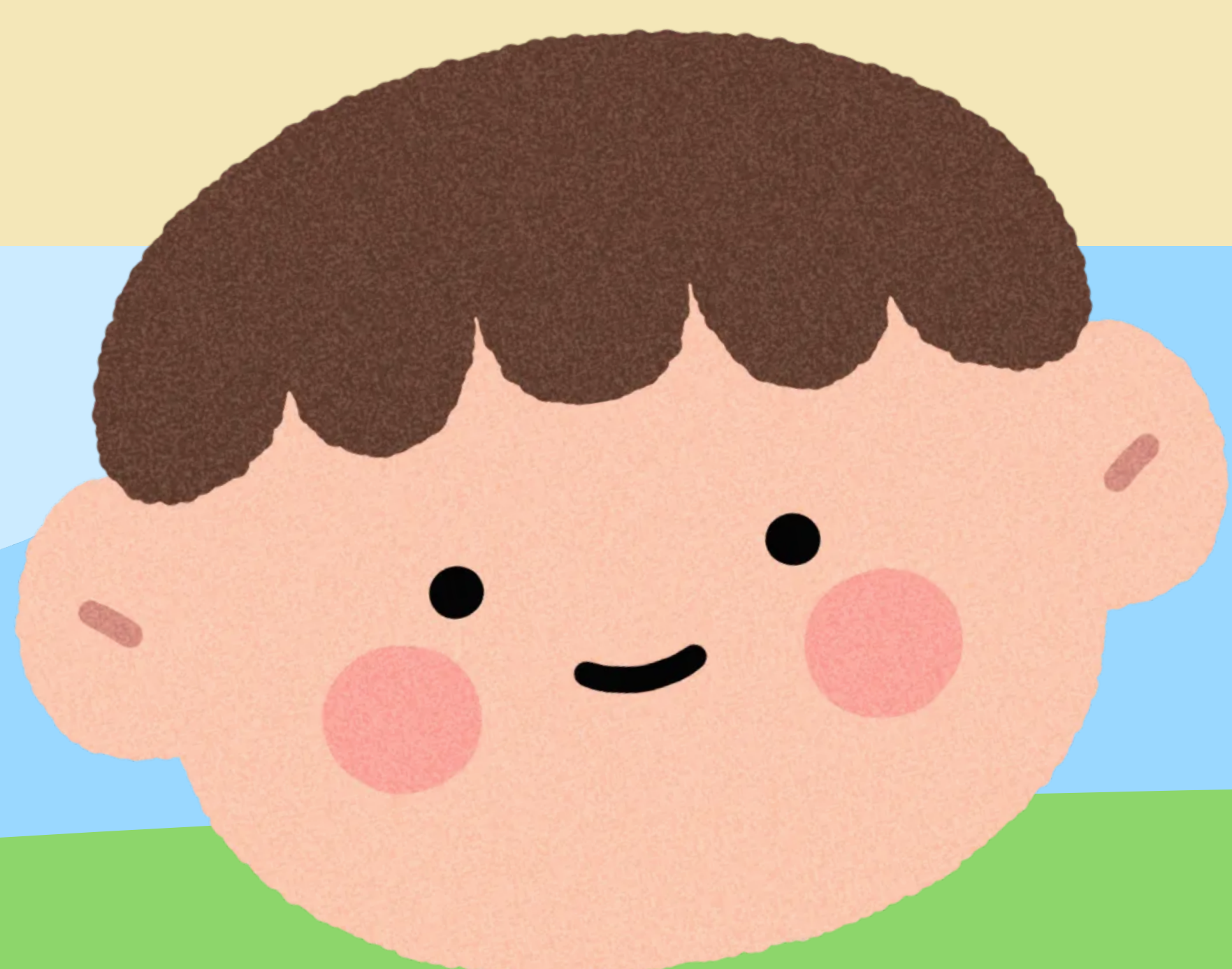


Nếu có điều gì bé không làm được thì hãy liên lạc nhận tư vấn nhé !

37~48 tháng tuổi

Danh sách kiểm tra mức độ phát triển ngôn ngữ(4 tuổi)

- ☒ Biết đếm từ 1 đến 10 bằng ngón tay.
- ☒ Có thể tự vẽ các hình: tròn, tam giác, vuông.
- ☒ Phân biệt và nói được các cặp từ trái nghĩa như: to/nhỏ, giống/khác, có/không v.v..
- ☒ Nói được các bộ phận cơ thể chi tiết như: vai, lông mày, đầu gối, trán v.v..
- ☒ Biết dùng câu phủ định như “không ăn”, “không đi”v.v..
- ☒ Biết thể hiện cảm xúc: “không thích”, “thích”, “sợ”v.v..
- ☒ Gọi tên được hơn 10 màu sắc khác nhau.
- ☒ Biết nói câu như: “Con đau bụng”, “Mẹ đọc sách cho con”.

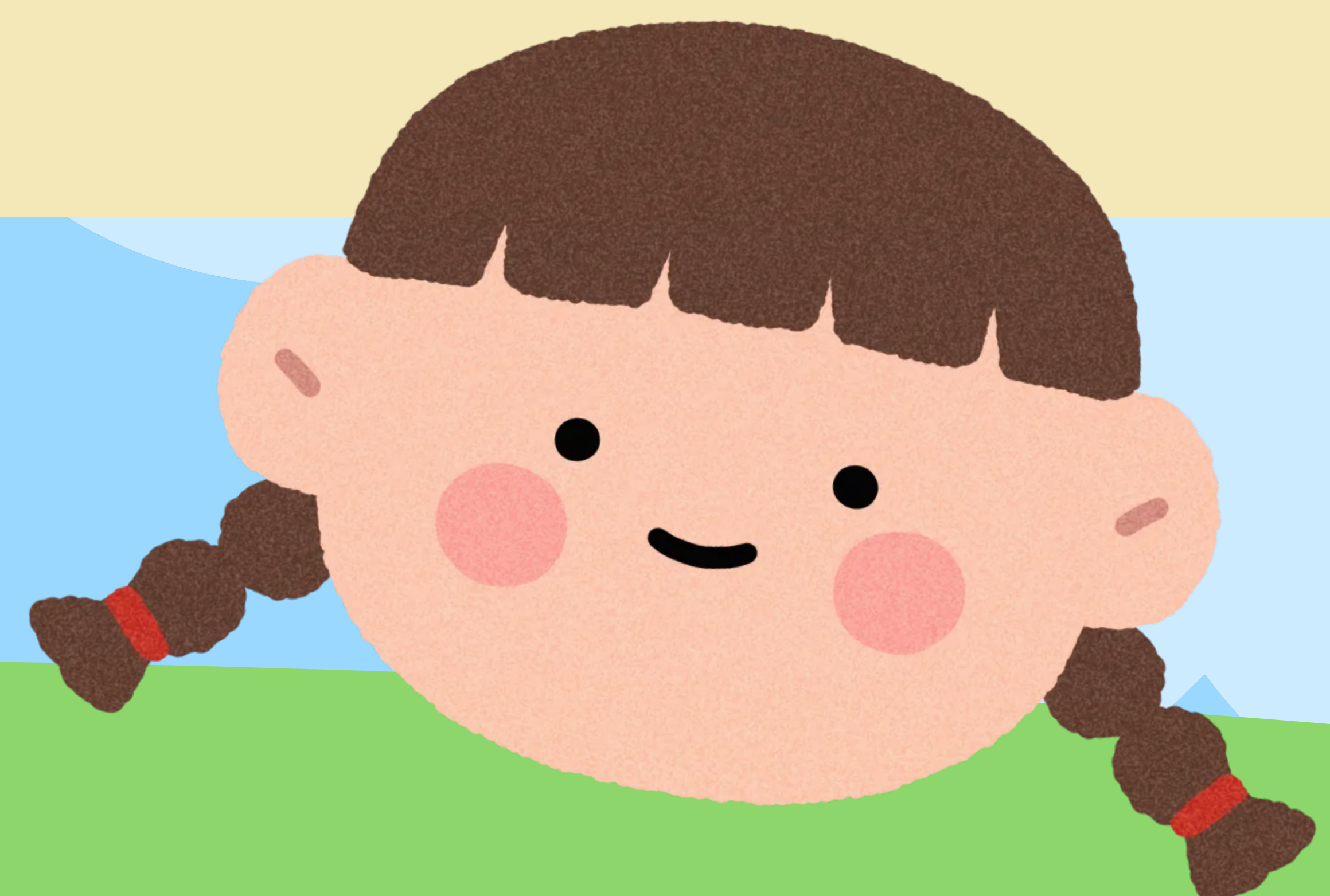
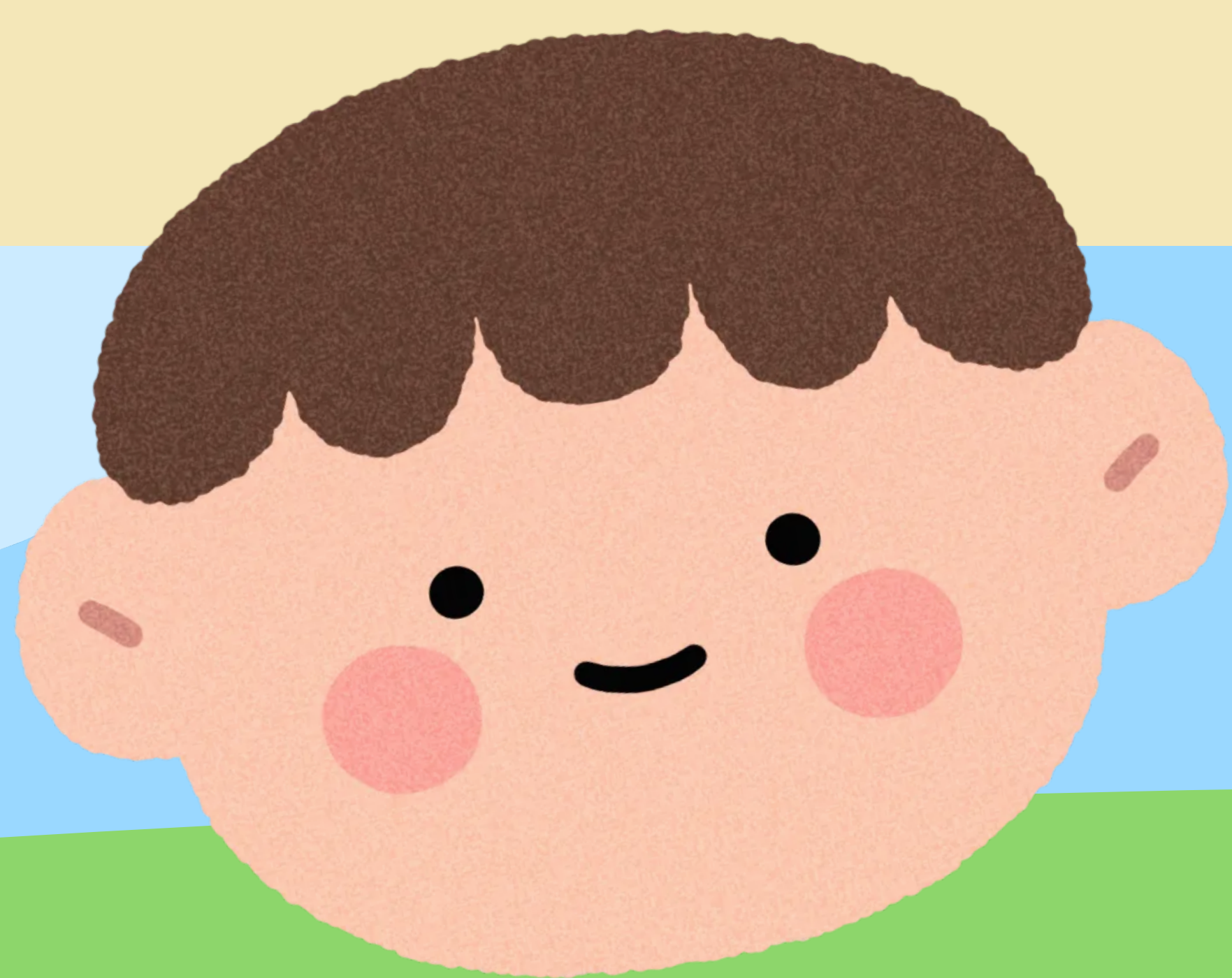


Nếu có điều gì bé không làm được thì hãy liên lạc nhận tư vấn nhé !

49~60 tháng tuổi

Danh sách kiểm tra mức độ phát triển ngôn ngữ(5 tuổi)

- ☒ Nói được các vị trí: trên, dưới, trong, ngoài, bên cạnh v.v..
- ☒ Sử dụng được các trợ từ như: 은/는, 이/가.
- ☒ Nói được câu hoàn chỉnh như: “Bạn bị ngã nên bị đau đầu gối.”
- ☒ Biết kể lại việc đã xảy ra: “Hôm nay con ăn táo ở trường.”
- ☒ Khi được hỏi “Cái này dùng để làm gì?” có thể trả lời.
- ☒ Nói được ít nhất 3 thứ trong cùng một nhóm (ví dụ: rau củ → cà tím, dưa leo, ớt v.v..).
- ☒ Biết dùng câu hỏi như; “Ai mua cái này?”, “Đi đâu?”, “Sao cái này không được?” v.v..
- ☒ Hiểu và trả lời được câu “nếu như..”



Nếu có điều gì bé không làm được thì hãy liên lạc nhận tư vấn nhé !